

Vận dụng triết lý giáo dục của John Dewey trong hoạt động dạy học tiếng Anh

Trần Thu Hà*

*Tổ ESP, Khoa Sư phạm Tiếng Anh, Đại học Ngoại ngữ, Trường ĐHQG, Hà Nội

Received: 30/01/2024; Accepted: 15/02/2024; Published: 8/3/2024

Abstract: John Dewey's theory of education, often referred to as progressive education or pragmatism, has had a profound impact on modern education. Central to his theory is the idea that education should be student-centered, focusing on the interests, needs, and experiences of the learner. He emphasized the importance of connecting education to real-life situations and promoting active learning through hands-on experiences, problem-solving, and critical thinking.

Keywords: Dewey, theory of education, experiential learning

1. Đặt vấn đề

Trong lĩnh vực giáo dục, triết lý giáo dục (TLGD) của John Dewey đã trở thành một nguồn cảm hứng và một khung tư duy quan trọng. Dewey đã tạo ra một cách tiếp cận mới trong việc hiểu và thực hiện giáo dục, với sự tập trung vào việc áp dụng kiến thức vào thực tế và khai thác tiềm năng học tập thông qua trải nghiệm.

Triết lý của Dewey đã có ảnh hưởng sâu sắc đến cách chúng ta định hình môi trường học tập và quan niệm về vai trò của sinh viên (SV) và GV trong quá trình giảng dạy. Thay vì chỉ tập trung vào việc truyền đạt kiến thức từ GV đến SV, Dewey nhấn mạnh vào việc SV phải trực tiếp tham gia vào quá trình học tập, thông qua các hoạt động thực tế và trải nghiệm.

TLGD của Dewey đã được áp dụng và phát triển trong nhiều hệ thống giáo dục trên thế giới, bao gồm cả Việt Nam. Điều này được thể hiện trong các chính sách và đề án giáo dục hiện đại của Việt Nam, như đề án “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu CNH - HĐH”. Những quan điểm và tư tưởng như “đổi mới tư duy giáo dục”, “tập trung phát triển phẩm chất và năng lực người học”, “giáo dục đáp ứng yêu cầu xã hội và phát triển tiềm năng cá nhân”, “dạy cách học và cách nghĩ” và “liên kết giáo dục gia đình và xã hội” đều phản ánh sự tương thích với triết lý giáo dục của Dewey.

Bài viết này nhằm tìm hiểu sâu hơn về TLGD của John Dewey, tìm ra những ứng dụng thực tiễn của triết lý này trong hệ thống giáo dục hiện đại. Chúng ta sẽ khám phá cách Dewey xem xét vai trò của trải nghiệm trong quá trình học tập, cách ông khuyến khích sự phát triển toàn diện của SV và cách mà ông thúc đẩy sự tương tác và sáng tạo trong môi trường học tập.

Bằng việc nghiên cứu sâu về TLGD của John Dewey và áp dụng những nguyên tắc và phương pháp của ông vào thực tế, chúng ta có thể tạo ra môi trường học tập thích hợp để khám phá, tìm hiểu và phát triển tiềm năng của từng SV, hy vọng sẽ có đóng góp vào việc thúc đẩy sự tiến bộ và sự phát triển trong lĩnh vực giáo dục, đồng thời mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng giáo dục.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Bối cảnh lịch sử ra đời của TLGD của John Dewey

TLGD của John Dewey được hình thành trong bối cảnh lịch sử của thế kỷ 20, khi Mỹ và thế giới đang trải qua nhiều thay đổi và biến đổi đáng kể.

Dewey sinh vào năm 1859, một thời điểm mà Mỹ đang trải qua sự chuyển đổi từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp. Quá trình CNH - HĐH đưa ra những thách thức mới đối với giáo dục và đào tạo. Dewey quan tâm sâu sắc đến những vấn đề xã hội và nhận thức rằng giáo dục cần phải thích ứng với những thay đổi này.

Trong thời kỳ này, triết học chủ nghĩa kinh nghiệm đang được phát triển mạnh mẽ. Dewey có ảnh hưởng từ các triết gia như William James và Charles Sanders Peirce, những người đã đề xuất rằng kiến thức và sự hiểu biết của con người được hình thành thông qua trải nghiệm và tương tác với thế giới xung quanh.

Dewey cũng được ảnh hưởng bởi các triết gia khác như Immanuel Kant, John Locke và Jean-Jacques Rousseau. Ông kết hợp các quan điểm của họ vào TLGD của mình. Ông chủ trương rằng giáo dục không chỉ là việc truyền đạt kiến thức mà còn phải tập trung vào việc phát triển kỹ năng sống và phẩm chất đạo đức của con người.

Những ý tưởng và tư tưởng của Dewey đã được phát triển và lan rộng trong bối cảnh xã hội Mỹ trong thế kỷ 20. Những thập kỷ đầu của thế kỷ này chứng kiến sự phát triển nhanh chóng của công nghiệp và công nghệ, sự gia tăng của sự đa dạng xã hội và sự thay đổi về giá trị và quan điểm xã hội. Dewey tìm cách đưa những quan điểm của mình vào thực tế giáo dục, đồng thời tạo ra một nền tảng triết lý giáo dục tiến bộ và nhân bản.

TLGD của Dewey đã có ảnh hưởng sâu sắc đến hệ thống giáo dục Mỹ và cả thế giới. Ông đã được công nhận là một trong những nhà triết học giáo dục hàng đầu của thế kỷ 20 và tư tưởng của ông vẫn còn sống mãi trong các lĩnh vực giáo dục hiện đại.

2.2. Nội dung của TLGD của John Dewey

TLGD của John Dewey tập trung vào việc kết hợp giữa học tập và trải nghiệm thực tế, đồng thời tạo điều kiện cho sự phát triển toàn diện của SV. Dưới đây là những nội dung cụ thể của TLGD của Dewey:

Tầm quan trọng của trải nghiệm: Dewey cho rằng học tập không chỉ nằm trong việc truyền đạt kiến thức mà còn phải tạo cơ hội cho SV trải nghiệm thực tế. Trải nghiệm được coi là nguồn gốc của sự học tập và là cách SV xây dựng kiến thức và hiểu biết.

Học tập tích cực và sáng tạo: Triết lý của Dewey khuyến khích SV tham gia tích cực và sáng tạo trong quá trình học tập. SV không chỉ là người tiếp thu kiến thức mà còn tham gia vào hoạt động, thảo luận và tìm hiểu bằng cách thực hành, thử nghiệm và tương tác với thế giới xung quanh.

Học tập xuyên suốt cuộc sống: Dewey nhấn mạnh rằng học tập không chỉ xảy ra trong một môi trường giáo dục nhất định mà là một quá trình liên tục trong suốt cuộc sống. SV cần được trang bị những kỹ năng và khả năng để tiếp tục học tập và phát triển sau khi rời khỏi trường học.

Học tập trong bối cảnh xã hội: Dewey cho rằng giáo dục không thể tách rời khỏi xã hội và môi trường xung quanh. SV cần được hướng dẫn để hiểu và đóng góp vào cộng đồng xã hội, và giáo dục cần phải liên kết chặt chẽ với thực tế xã hội và vấn đề xã hội.

Phát triển toàn diện: Triết lý của Dewey tập trung vào việc phát triển toàn diện của học sinh, bao gồm cả khía cạnh văn hóa, xã hội, tinh thần và thể chất. Giáo dục không chỉ nhằm truyền đạt kiến thức mà còn phải định hình và phát triển nhân cách của học sinh.

Quá trình học tập chủ động: Dewey nhấn mạnh vai trò của học sinh trong quá trình học tập. SV cần

được khuyến khích và tạo điều kiện để tự tìm hiểu, đặt câu hỏi, suy ngẫm và xây dựng kiến thức theo cách riêng của mình.

2.3. Áp dụng TLGD của Dewey trong lớp học

Dưới đây là một số ví dụ cụ thể về cách áp dụng triết lý giáo dục của Dewey trong lớp học dành cho giáo viên.

Thí nghiệm khoa học: Tổ chức các hoạt động thực hành trong lớp để SV trực tiếp trải nghiệm quá trình nghiên cứu khoa học. Ví dụ, thí nghiệm về động lực học, quang học, hoặc sinh thái học. SV có thể đặt câu hỏi, thiết kế thí nghiệm và suy luận từ kết quả để hiểu sâu hơn về các khái niệm khoa học.

Dự án xã hội: SV tham gia vào các dự án xã hội để giải quyết một vấn đề cụ thể trong cộng đồng. Ví dụ, SV có thể tổ chức một chiến dịch vệ sinh môi trường, tạo ra các chương trình giáo dục cho trẻ em vùng nông thôn, hoặc tổ chức một sự kiện từ thiện. Qua đó, SV học cách làm việc nhóm, phát triển kỹ năng lãnh đạo và nhận thức sâu hơn về trách nhiệm xã hội.

Hoạt động thảo luận và tranh luận: Tổ chức các hoạt động thảo luận và tranh luận trong lớp để khuyến khích SV phê phán, tư duy logic và biểu đạt ý kiến cá nhân. Ví dụ, SV có thể thảo luận về một vấn đề chính trị, xã hội hoặc đạo đức đang được xem xét trong bài học. Qua đó, họ có cơ hội lắng nghe quan điểm khác nhau, đưa ra lập luận và đạt đồng thuận hoặc phân định.

Dự án nghiên cứu độc lập: Khuyến khích SV thực hiện dự án nghiên cứu độc lập về một chủ đề họ quan tâm. Ví dụ, SV có thể nghiên cứu về một nhân vật lịch sử, văn hóa địa phương hoặc vấn đề khoa học. Họ sẽ thu thập thông tin, phân tích dữ liệu và trình bày kết quả của mình. Qua đó, SV phát triển khả năng tư duy nghiên cứu, sáng tạo và tự quản lý.

Học tập thông qua trò chơi vai trò: Sử dụng các trò chơi vai trò để SV tham gia và tương tác với nội dung học tập. Ví dụ, SV có thể tham gia vào một trò chơi vai trò về cuộc sống trong thời kỳ cách mạng, quản lý một doanh nghiệp ảo hoặc đảm nhận vai trò của các nhà khoa học nổi tiếng. Qua đó, học sinh học cách áp dụng kiến thức vào tình huống thực tế và phát triển kỹ năng giao tiếp, hợp tác và giải quyết vấn đề.

Học ngoại khóa và thực địa: Tổ chức các hoạt động học ngoại khóa và thực địa để SV tiếp cận với môi trường và trải nghiệm đã tới một vấn đề liên quan đến việc chúng ta giới hạn số từ trong một tin nhắn, vui lòng làm ơn tiếp tục câu chuyện của bạn.

3. Kết luận

TLGD của John Dewey đã có một tầm ảnh hưởng lớn đối với hệ thống giáo dục hiện đại. Được xem là một trong những triết gia giáo dục hàng đầu của thế kỷ 20, Dewey đã tạo ra một cách tiếp cận mới với việc giảng dạy và học tập, đặc biệt là trong việc kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn.

TKGD của Dewey tập trung vào việc khuyến khích sự tương tác, trải nghiệm và tư duy sáng tạo của học sinh. Ông tin rằng học sinh cần được đặt vào tâm điểm của quá trình học tập, và việc tạo ra một môi trường học tập kích thích và ý nghĩa là điều quan trọng nhất.

Áp dụng triết lý giáo dục của Dewey trong lớp học đòi hỏi sự linh hoạt và sáng tạo từ phía giáo viên. Điều này yêu cầu các hoạt động thực hành, dự án xã hội, hoạt động thảo luận và tranh luận, dự án nghiên cứu độc lập và sử dụng trò chơi vai trò. Từ đó, học

sinh được khuyến khích tham gia tích cực, phát triển kỹ năng toàn diện và áp dụng kiến thức vào thực tế.

Triết lý giáo dục của Dewey cung cấp một cơ sở chắc chắn cho việc thay đổi phương pháp giảng dạy truyền thống và tạo ra một môi trường học tập đa dạng và phù hợp với nhu cầu của học sinh hiện đại. Bằng cách áp dụng những nguyên tắc và phương pháp của Dewey, giáo viên có thể tạo ra những trải nghiệm học tập hết sức hữu ích và ý nghĩa cho học sinh, giúp họ phát triển kỹ năng, kiến thức và tư duy sáng tạo để đối mặt với thế giới thay đổi liên tục xung quanh.

Tài liệu tham khảo

1. Dewey, J. (2008). *Dân chủ và giáo dục*, bản dịch của Phạm Anh Tuấn. Hà Nội: NXB Tri thức
2. Dewey, J. (2012). *Kinh nghiệm và giáo dục*, bản dịch của Phạm Anh Tuấn. Hà Nội: NXB Tri thức
3. Dewey, J. (2014). *Cách ta nghĩ*, bản dịch của Vũ Đức Anh, Hà Nội: NXB Tri thức

Thực trạng kiểm tra, đánh giá.....(tiếp theo trang 51)

Có rất nhiều tài liệu tham khảo về chúng trên Internet hoặc trong các sách ngữ pháp khác. Thứ hai, không cần thiết phải sử dụng lại các đoạn văn trong sách giáo khoa để kiểm tra trí nhớ của học sinh. Tốt nhất giáo viên nên chọn một cuốn khác ngoài sách giáo khoa để kiểm tra kiến thức đã học. Văn bản được chọn phải xác thực, có nghĩa là nó liên quan đến chuyên ngành của sinh viên. Ví dụ, với cùng một kỹ năng phụ về đọc mà giáo viên muốn kiểm tra, họ có thể chọn những đoạn văn liên quan đến lĩnh vực khoa học cho những người học chuyên ngành công nghệ hoặc kỹ thuật, và lĩnh vực xã hội cho những người học văn học. Ngoài ra, các chủ đề thảo luận, thuyết trình có thể thay đổi cho phù hợp với chuyên ngành cũng như năng lực của sinh viên để trở nên chân thực và gây hứng thú cho sinh viên. Có như vậy thì các em sẽ hào hứng thảo luận và việc học ngày càng hiệu quả hơn. Điều này còn giúp các em phát triển khả năng sáng tạo và tư duy phê phán, vốn là hai kỹ năng cần thiết trong việc học ngôn ngữ thời hiện đại.

3. Kết luận

Khái niệm “sự hữu ích” (Bachman và Palmers, 1996) kết hợp ý tưởng về sự công bằng, tức là ý tưởng đảm bảo rằng mỗi đứa trẻ nhận được điểm số thể hiện chặt chẽ khả năng của mình. “Tính hữu ích” bao gồm những ý tưởng quan trọng giúp chúng ta đảm bảo rằng quy trình đánh giá sẽ cung cấp cho

người đánh giá những bằng chứng tốt nhất để đưa ra quyết định đánh giá về khả năng sử dụng ngôn ngữ của trẻ” (McKay, 2006). Vì vậy, bài thi cần phải hữu ích hoặc phải đảm bảo tính hữu dụng, đặc biệt là tính giá trị, độ tin cậy và tính xác thực để giáo viên không tạo cho học sinh cảm giác bất công, đánh mất thành tích làm bài hàng ngày và tạo động lực cho học sinh trong học tập. Ngoài ra, một bài kiểm tra tốt có thể là cơ sở đánh giá vì kiểm tra và đánh giá có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

Tài liệu tham khảo

1. AERA, APA, & NCME (1999). Standards for educational and psychological testing. Washington, D.C..
2. Bachman, L. F., & Palmer, A. S. (1996). Language testing in practice: Designing and developing useful language tests (Vol. 1). Oxford University Press.
3. Gronlund, N. E. (1998). Assessment of student achievement. Allyn & Bacon Publishing, Longwood Division, 160 Gould Street, Needham Heights, MA 02194-2310; tele.
4. Hughes, Arthur. (2000). Testing for Language Teachers. Beijing: Foreign Language Teaching and Researching Press.
5. McKay, P. (2006). Assessing young language learners (pp. 112-116). Cambridge: Cambridge University Press.